

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ THỰC TẬP TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN CÁC CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

Nguyễn Thị Thùy Dương¹

Tóm tắt. Bài viết nghiên cứu tác động của các nội dung quản lý thực tập đến kết quả thực tập của sinh viên thuộc chương trình liên kết đào tạo quốc tế tại Việt Nam. Khảo sát được tiến hành trên đối tượng các chuyên viên, cán bộ quản lý và giảng viên hướng dẫn sinh viên thực tập trong năm học 2020- 2021 trên phạm vi cả nước. Kết quả phân tích xác định được các nội dung quản lý có tác động cùng chiều đến kết quả thực tập của sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế bao gồm: (i) xây dựng kế hoạch thực tập; (ii) tổ chức thực hiện kế hoạch thực tập; (iii) lãnh đạo, chỉ đạo thực tập; (iv) điều kiện và hỗ trợ sinh viên trong quá thực tập; (v) kiểm tra, đánh giá thực tập. Trên cơ sở kết quả thu được, tác giả đề xuất một số giải pháp đối với cơ quan nhà nước, cơ sở giáo dục đào tạo và sinh viên nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thực tập tốt nghiệp của sinh viên các chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

Từ khóa: Liên kết đào tạo quốc tế, quản lý thực tập, kết quả thực tập, sinh viên, giáo dục đại học, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Cùng với sự phát triển của xã hội, con người có nhu cầu được hưởng cuộc sống chất lượng hơn. Trong những năm gần đây, số lượng sinh viên trong nước đi du học ngày càng tăng và ngược lại, không ít sinh viên ngoại quốc đến học tập tại cơ sở giáo dục của Việt Nam. Để đáp ứng nhu cầu ngày một cao này, việc xây dựng và tổ chức chương trình liên kết đào tạo giữa các trường trong nước với các trường quốc tế là yêu cầu cấp thiết, cần được chú trọng. Trong quá trình đào tạo, nhằm mục đích nâng cao chất lượng đầu ra cho khóa học, hầu hết các chương trình liên kết đào tạo quốc tế đều tổ chức học phần thực tập, giúp cho học viên tiếp xúc và tích lũy kinh nghiệm thực tế.

Tuy nhiên, để đạt được chất lượng thực tập tốt, cơ sở giáo dục đào tạo phải tổ chức thực hiện quản lý thực tập tốt nghiệp cho sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Hoạt động quản lý có tác động đáng kể đến kết quả thực tập của sinh viên nói chung và sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế nói riêng. Xuất phát từ những thực trạng trên, tác giả thực hiện nghiên cứu đề tài: “Nâng cao hiệu quả quản lý thực tập tốt nghiệp của sinh viên các chương trình liên kết đào tạo quốc tế”. Mục đích của bài viết nhằm tìm hiểu, phân tích, đánh giá tác động của các nội dung quản lý đến hiệu quả thực tập tốt nghiệp của sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Từ đó, tác giả đề xuất giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thực tập cho sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế tại Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Những khái niệm cơ bản

Khái niệm và đặc điểm chương trình liên kết đào tạo quốc tế

Ngày nhận bài: 03/04/2022. Ngày nhận đăng: 16/05/2022.

¹ Viện Đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Thương mại
e-mail: dn1712@gmail.com

Liên kết đào tạo quốc tế bao gồm toàn bộ các loại hình giáo dục cao học, các khóa học hoặc các dịch vụ giáo dục (gồm cả giáo dục từ xa) dành cho người học đến từ các quốc gia khác (Nguyễn Hoàng, 2011). Những chương trình này có thể thuộc về các hệ thống giáo dục khác nhau, thuộc về các nước, khu vực độc lập với hệ thống giáo dục của quốc gia khác. Tại Việt Nam, căn cứ vào Điều 2 khoản 5 Nghị định 86/2018/NĐ-CP, liên kết đào tạo quốc tế “là việc hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và cơ sở giáo dục đại học nước ngoài nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng hoặc cấp chứng chỉ mà không thành lập pháp nhân”.

Về cơ bản, chương trình liên kết đào tạo quốc tế đề cập đến quá trình một quốc gia cung cấp chương trình hoặc dịch vụ giáo dục của họ đến một quốc gia khác. Các học viên tham gia vào chương trình có cơ hội tiếp cận và học hỏi kiến thức cũng như phương pháp giáo dục tiên tiến từ các cơ sở giáo dục có uy tín trên thế giới. Có thể coi chương trình liên kết đào tạo quốc tế là một thương vụ giao dịch với đối tượng giao dịch là tri thức. Về đơn vị tổ chức đào tạo, chương trình liên kết đào tạo quốc tế được tổ chức bởi cả cơ sở giáo dục đào tạo công lập và tư nhân, hoặc được tổ chức bởi các tổ chức phi lợi nhuận cũng như các tổ chức hoạt động vì lợi nhuận. Về hình thức thực hiện, chương trình liên kết đào tạo quốc tế được tổ chức dưới nhiều hình thức, có thể đào tạo trực tiếp (du học) hoặc đào tạo từ xa (học trực tuyến). Chi phí cho chương trình liên kết đào tạo quốc tế thường cao hơn đáng kể so với các chương trình đào tạo thông thường. Nguyên nhân là do phải đầu tư vào cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại đáp ứng tiêu chuẩn giảng dạy, chi phí phải trả cho giảng viên nước ngoài cũng cao hơn so với mức lương giảng viên trong nước. Hầu hết các khóa học liên kết đào tạo quốc tế đều giảng dạy bằng ngoại ngữ, tài liệu đào tạo cũng sử dụng ngoại ngữ. Do vậy, khi tham gia chương trình liên kết đào tạo quốc tế, các học viên được yêu cầu phải đạt đến một trình độ ngoại ngữ nhất định (thông thường là tiếng Anh). Một số chương trình liên kết đào tạo quốc tế khuyến khích và hỗ trợ học viên tham gia hoạt động trao đổi học viên nhằm tạo điều kiện cho học viên tiếp cận môi trường giáo dục hiện đại và nâng cao cơ hội nghề nghiệp. Do được tiếp cận với các nền văn hóa khác nhau, họ sẽ trở thành nguồn nhân lực triển vọng cho môi trường làm việc ngày càng toàn cầu hóa như hiện nay. Bên cạnh đó, các chương trình liên kết đào tạo quốc tế yêu cầu giảng viên phải có trình độ cao về năng lực giảng dạy, nắm vững kiến thức chuyên môn. Không những thế, mỗi giảng viên còn là một đại sứ cho quốc gia của họ. Giảng viên không chỉ phải có trình độ chuyên môn cao mà còn phải làm chủ kỹ năng, phẩm chất, kiến thức văn hóa, kỹ luật, ngôn ngữ và kỹ năng giảng dạy để có thể mang lại kết quả tốt nhất cho khóa học (Weible, 2010; Nguyễn Hoàng và Trần Kiều Trang, 2013).

Khái niệm và lợi ích của thực tập đối với sinh viên trong chương trình liên kết đào tạo quốc tế

Thực tập là quá trình sinh viên trải nghiệm làm việc trong một môi trường chuyên nghiệp dưới sự giám sát của các chuyên gia trong ngành nghề (O’Higgins và Pinedo, 2018). Thực tập là một phương pháp các trường đại học thường sử dụng để tạo cơ hội học tập trải nghiệm cho sinh viên (Gault và cộng sự, 2010). Đối với các sinh viên tham gia chương trình liên kết đào tạo quốc tế, sinh viên được học theo chương trình nước ngoài, được giảng dạy bởi giảng viên nước ngoài. Do đó, khi thực tập tại Việt Nam, những sinh viên này sẽ đối mặt với sự khác biệt lớn về thực tiễn công việc, nội dung đào tạo cũng như phong cách làm việc.

Theo nghiên cứu của Saniter và Siedler (2014), sinh viên tốt nghiệp có kinh nghiệm thực tập có nhiều khả năng có được việc làm tốt hơn, có triển vọng với mức lương cao hơn so với sinh viên không qua thực tập. Thông qua chương trình thực tập, mối quan hệ giữa sinh viên- giảng viên- doanh nghiệp được xây dựng cho phép giảng viên cung cấp cơ hội việc làm tốt hơn cho sinh viên sau tốt nghiệp (Gault và cộng sự, 2010). Đặc biệt, sinh viên liên kết đào tạo quốc tế với kỹ năng ngôn ngữ tốt và tư duy sáng tạo, họ được các nhà tuyển dụng săn đón với cơ hội thăng tiến tốt và mức lương triển vọng.

Đối với các trường đại học, lợi ích của chương trình thực tập cho sinh viên là tăng uy tín và thu hút sinh viên. Khi sinh viên nhận thức được lợi ích của thực tập, sinh viên sẽ tìm kiếm những cơ sở đào tạo có cung cấp chương trình này. Từ đó, các trường đại học có tổ chức học phần thực tập sẽ có sức hút với sinh viên hơn. Đồng thời, chương trình thực tập giúp các trường đại học kết nối với các doanh nghiệp thông qua hoạt động giới thiệu thực tập sinh có trình độ cao. Mối quan hệ này có thể dẫn đến các doanh nghiệp tăng tài trợ cho các cơ sở giáo dục này thông qua tài trợ học bổng, trợ cấp trang thiết bị,...

Khái niệm và bản chất về quản lý thực tập của sinh viên và hiệu quả quản lý thực tập của sinh viên trong chương trình liên kết đào tạo quốc tế

Quản lý thực tập của sinh viên là sự tác động có tổ chức, có mục đích, có định hướng và có kế hoạch của chủ thể quản lý hoạt động thực tập tốt nghiệp đến khách thể quản lý thông qua việc thực hiện các chức năng quản lý nhằm đạt được mục tiêu hoạt động thực tập tốt nghiệp một cách hiệu quả nhất. Theo đó, quản lý thực tập của sinh viên liên kết đào tạo quốc tế là sự tác động có tổ chức, có mục đích, có định hướng và có kế hoạch của sinh viên liên kết đào tạo quốc tế đến quá trình thực tập thông qua việc thực hiện các chức năng quản lý nhằm đạt được mục tiêu thực tập một cách hiệu quả nhất trên nền tảng tri thức quốc tế đã được đào tạo (Phạm Quốc Luyến, 2021).

Bản chất của quản lý thực tập là vận dụng phối hợp các chức năng quản lý: lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm soát các yếu tố liên quan đến quá trình thực tập nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Sinh viên liên kết đào tạo quốc tế khi tham gia thực tập được kỳ vọng là mang lại hiệu suất làm việc tốt hơn, khả năng xử lý tình huống linh hoạt hơn. Tuy nhiên, sinh viên liên kết đào tạo quốc tế khi tiếp cận với môi trường làm việc Việt Nam sẽ phải đối mặt với sự khác biệt lớn, cần có thời gian thích nghi. Do vậy, muốn kỳ thực tập đạt hiệu quả cao, sinh viên cần lập kế hoạch quản lý chi tiết, phù hợp.

Hầu hết các trường đại học tại Việt Nam đánh giá hiệu quả quản lý thực tập thông qua quy định về chuẩn đầu ra. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), chuẩn đầu ra là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở đào tạo cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. Chuẩn đầu ra được xem là “xương sống” của một chương trình đào tạo (Nguyễn Quốc Chính và cộng sự, 2018). Chuẩn đầu ra được xây dựng dựa trên 3 tiêu chí: kiến thức, kỹ năng và thái độ mà nhà trường muốn sinh viên đạt được. Cũng được đánh giá trên 3 tiêu chí này nhưng sinh viên liên kết đào tạo quốc tế thường được yêu cầu chuẩn đầu ra cao hơn so với sinh viên hệ chính quy đại trà.

2.2. Phát triển các giả thuyết nghiên cứu

Để hoạt động quản lý thực tập của sinh viên đạt hiệu quả tốt nhất, việc xây dựng quy trình quản lý thực tập cần được xem là một trong những nội dung quan trọng hàng đầu. Quá trình quản lý thực tập gồm 5 nội dung cơ bản: (i) xây dựng kế hoạch thực tập; (ii) tổ chức thực hiện kế hoạch thực tập; (iii) lãnh đạo, chỉ đạo thực tập; (iv) điều kiện và hỗ trợ sinh viên trong quá thực tập; (v) kiểm tra, đánh giá thực tập (Marinas và cộng sự, 2018; Phạm Văn Thuận, 2019; Phạm Quốc Luyến, 2021). Cụ thể:

Trước tiên là xây dựng kế hoạch thực tập cho sinh viên liên kết đào tạo quốc tế, phải dựa trên đặc điểm của nhóm đối tượng này và phải đảm bảo tính khả thi cho quá trình tổ chức thực hiện. Xây dựng kế hoạch thực tập cho sinh viên bao gồm các công việc: xây dựng mục tiêu thực tập, xây dựng nội dung thực tập, xây dựng lịch thực tập, xây dựng kế hoạch các nguồn lực quản lý và hỗ trợ thực tập, đưa ra các văn bản hướng dẫn. Kế hoạch là nền tảng, là bước đệm quan trọng giúp định hướng cho quá trình thực tập, đảm bảo quá trình thực tập của sinh viên liên kết đào tạo quốc tế thực hiện khoa học nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Việc xây dựng kế hoạch phải dựa trên sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng, giữa các giảng viên của trường đại học trong nước và trường liên kết quốc tế; giữa cơ sở giáo dục và đơn vị học viên thực tập. Kế hoạch lập ra càng chi tiết, hướng dẫn càng cụ thể thì quá trình thực tập của sinh viên sẽ được định hướng rõ ràng. Từ những lý luận trên, giả thuyết thứ nhất được xây dựng như sau:

Giả thuyết 1: *Thực trạng xây dựng kế hoạch thực tập tác động tích cực đến hiệu quả quản lý thực tập của sinh viên các chương trình liên kết đào tạo quốc tế.*

Tổ chức thực hiện kế hoạch thực tập là quá trình sắp xếp nguồn lực con người và các nguồn lực khác nhằm thực hiện thành công kế hoạch (Phạm Quốc Luyến, 2021). Trong giai đoạn này, những người tổ chức cần thực hiện: xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức nhân sự và sắp xếp nguồn lực quản lý và phối hợp hoạt động của các bộ phận trong quản lý. Với đặc điểm liên kết với chương trình giáo dục quốc tế, việc tổ chức thực hiện kế hoạch thực tập cho sinh viên ĐTLTQT sẽ tương đối phức tạp hơn. Do vậy, đòi hỏi người quản lý phải sắp xếp, phân bổ các nguồn lực sao cho chặt chẽ, khoa học, hiệu quả. Đồng quan điểm này, bài

viết xây dựng giả thuyết thứ hai như sau:

Giả thuyết 2: *Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch thực tập tác động tích cực đến hiệu quả quản lý thực tập của sinh viên các chương trình liên kết đào tạo quốc tế.*

Lãnh đạo, chỉ đạo là hành động chủ thể quản lý sử dụng quyền lực của mình để tác động đến đối tượng quản lý một cách có chủ đích nhằm đạt được những mục tiêu nhất định. Đây là chức năng thể hiện năng lực của chủ thể quản lý. Gắn với hoạt động thực tập, chủ thể quản lý ở đây là trường đại học tại Việt Nam và trường quốc tế liên kết. Đối tượng quản lý là toàn bộ các nội dung trong quá trình tổ chức, chỉ đạo thực hiện hoạt động thực tập tốt nghiệp cho sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Các cơ sở đào tạo sử dụng quyền lực của mình để tác động đến hành vi, thái độ của người trong bộ máy tổ chức cũng như sinh viên nhằm thực hiện kế hoạch và đạt được hiệu quả mong muốn. Từ những lý luận trên, giả thuyết thứ ba được xây dựng như sau:

Giả thuyết 3: *Thực trạng lãnh đạo, chỉ đạo thực tập tác động tích cực đến hiệu quả quản lý thực tập của sinh viên các chương trình liên kết đào tạo quốc tế.*

Đảm bảo điều kiện và hỗ trợ cho sinh viên liên kết đào tạo quốc tế trong quá trình thực tập từ phía đơn vị quản lý bao gồm: đảm bảo các nội dung, tài liệu, văn bản hướng dẫn; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, cơ sở giáo dục quốc tế liên kết và đơn vị thực tập; hỗ trợ phương tiện đi lại; hỗ trợ giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực tập. Công tác hỗ trợ này sẽ là chỗ dựa vững chắc để quá trình thực tập của sinh viên diễn ra đúng kế hoạch, tạo động lực để sinh viên đạt được kết quả tốt. Bên cạnh đó, hoạt động hỗ trợ sinh viên góp phần xây dựng hình ảnh, uy tín cho nhà trường đối với các đơn vị thực tập cũng như đối với sinh viên. Từ những lý luận trên, giả thuyết thứ tư được xây dựng như sau:

Giả thuyết 4: *Thực trạng điều kiện và hỗ trợ sinh viên trong quá thực tập tác động tích cực đến hiệu quả quản lý thực tập của sinh viên các chương trình liên kết đào tạo quốc tế.*

Kiểm tra, đánh giá là quá trình giám sát, đo lường, đánh giá và điều chỉnh hoạt động nhằm đảm bảo sự thực hiện theo kế hoạch (Nguyễn Thị Ngọc Huyền và cộng sự, 2018). Kiểm tra, đánh giá thực tập là hoạt động giám sát, đo lường, đánh giá và điều chỉnh các nội dung, kết quả thực tập dựa trên một số tiêu chuẩn nhất định nhằm đạt được kế hoạch đề ra. Tiêu chuẩn đánh giá ở đây thường là chuẩn đầu ra do các trường thống nhất quy định. Đây là mục tiêu, là động lực thúc đẩy sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế chủ động thực hiện tốt quá trình thực tập để có thể đạt được kết quả cao. Từ những lý luận trên, giả thuyết thứ năm được xây dựng như sau:

Giả thuyết 5: *Thực trạng kiểm tra, đánh giá thực tập tác động tích cực đến hiệu quả quản lý thực tập của sinh viên các chương trình liên kết đào tạo quốc tế.*

3. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu về tác động của các nội dung quản lý đến kết quả thực tập của sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế, tác giả tiến hành nghiên cứu và phân tích các tài liệu như sách, bài báo, các báo cáo đã được công bố trước đây. Đồng thời, để tăng độ chính xác cho số liệu thống kê, tác giả sử dụng kết hợp phương pháp thống kê mô tả.

Từ cơ sở lý luận nêu trên, mô hình hồi quy được xây dựng với 5 biến độc lập nhằm xác định tác động của các nội dung quản lý đến kết quả thực tập của sinh viên liên kết đào tạo quốc tế hiện nay. Cụ thể như sau:

$$Y = a_0 + a_1X_1 + \dots + a_5X_5 + \epsilon$$

Trong đó:

Y: Kết quả thực tập của sinh viên;

a_0, a_1, \dots, a_5 : các hệ số cần tìm;

X_1, X_2, \dots, X_5 : là các nội dung quản lý, lần lượt: Thực trạng xây dựng kế hoạch thực tập; Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch thực tập; Thực trạng lãnh đạo, chỉ đạo thực tập; Thực trạng điều kiện và hỗ trợ sinh viên thực tập; Thực trạng kiểm tra, đánh giá thực tập.

ε : sai số chuẩn.

Để kiểm định mô hình, tác giả tiến hành thu thập dữ liệu thông qua bảng hỏi điều tra các chuyên viên, cán bộ quản lý và giảng viên hướng dẫn sinh viên thực tập trong các chương trình liên kết đào tạo quốc tế năm học 2020- 2021 vừa qua. Bảng hỏi đã được gửi tới đối tượng này trên phạm vi cả nước thông qua email trong tháng 8 và tháng 9/2021 và thu được 166 câu trả lời với thông kê như sau:

Bảng 1. Mẫu khảo sát điều tra

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Vị trí công việc	166	100%	Chuyên ngành đào tạo	166	100%
Giảng viên hướng dẫn	137	82,53	Kinh tế - Quản trị	125	75,30
Chuyên viên, quản lý	29	17,47	Kỹ thuật - Công nghiệp - Công nghệ	22	13,25
Trường	166	100%	Xã hội - Ngôn ngữ - Luật - Y	19	11,45
ĐHQG Hà Nội	20	12,05	Thâm niên công tác	166	100%
ĐH Kinh tế quốc dân	20	12,05	< 3 năm	23	13,86
ĐH Thương mại	19	11,45	3 đến dưới 5 năm	57	34,34
ĐH Ngoại thương	19	11,45	5 đến dưới 10 năm	44	26,51
HV Ngân hàng	10	6,02	10 đến dưới 20 năm	24	14,46
ĐH Kinh tế TP HCM	10	6,02	20 năm	18	10,84
HV Tài chính	9	5,42	Thâm niên tham gia các chương trình LKĐTQT	166	100%
ĐH Bách khoa Hà Nội	8	4,82	< 1 năm	15	9,04
ĐH Hà Nội	8	4,82	1 đến dưới 3 năm	33	19,88
ĐH Mở TP HCM	7	4,22	3 đến dưới 5 năm	54	32,53
Khác	36	21,69	5 đến dưới 10 năm	39	23,49
			> 10 năm	25	15,06

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS dữ liệu khảo sát điều tra

Về mẫu nghiên cứu, phần lớn đối tượng tham gia khảo sát là các giảng viên hướng dẫn, chiếm 82,53%; còn lại là các chuyên viên, quản lý. Các giảng viên, chuyên viên, quản lý đang giảng dạy tại những trường đại học danh tiếng hàng đầu tại Việt Nam: ĐHQG Hà Nội (12,05%), ĐH Kinh tế quốc dân (12,05%), ĐH Thương mại (11,45%),... Chuyên môn giảng dạy chủ yếu của họ là Kinh tế- Quản trị (75,3%). Những giảng viên, chuyên viên, quản lý này có kinh nghiệm tương đối dày dặn trong ngành nghề với thâm niên công tác từ 3 đến dưới 5 năm chiếm 34,34%; thâm niên công tác từ 5 đến dưới 10 năm chiếm 26,51%. Trong những năm hoạt động giảng dạy, họ có kinh nghiệm tham gia các chương trình liên kết đào tạo quốc tế từ 3 đến dưới 5 năm, từ 5 đến dưới 10 năm chiếm tỷ lệ lần lượt là 32,53%; 23,49%. Những con số này phản ánh tương đối chính xác tình hình hiện nay, các chương trình liên kết đào tạo quốc tế đang có xu hướng tăng lên.

Bảng 2. Kiểm định các biến độc lập và phụ thuộc

Tên biến tiếng Việt	Kí hiệu	Số biến	Cronbach's Alpha	Kaiser Meyer Olkin	Sig.	Giá trị cộng dồn cột trụ đầu (%)
Thực trạng xây dựng kế hoạch thực tập	X1	4	0,943	0,793	0,000	85,908
Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch thực tập	X2	5	0,885	0,815	0,000	68,634
Thực trạng lãnh đạo, chỉ đạo thực tập	X3	5	0,834	0,724	0,000	60,715
Thực trạng điều kiện và hỗ trợ sinh viên thực tập	X4	4	0,933	0,724	0,000	83,454
Thực trạng kiểm tra, đánh giá thực tập	X5	5	0,936	0,844	0,000	80,010
Kết quả thực tập của sinh viên	Y	4	0,882	0,782	0,000	73,789

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Nghiên cứu tiến hành kiểm định bộ thang đo nghiên cứu. Từ kiểm định biến CFA, kết quả thu được cho thấy các biến gộp hình thành từ các câu hỏi khảo sát đều có các hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,7 thỏa mãn ngưỡng thống kê. Đồng thời, các hệ số kiểm định Kaiser-Meyer-Olkin cũng đạt ngưỡng thống kê 95%

(Sig.) và đều có giá trị KMO lớn hơn 0,7. Điều này cho thấy các thang đo sử dụng đối với các biến độc lập và phụ thuộc trong nghiên cứu này là đáng tin cậy.

4. Kết quả nghiên cứu

Theo số liệu của Cục Hợp tác quốc tế - Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến năm 2020, cả nước có 70 cơ sở giáo dục với 452 chương trình liên kết đào tạo quốc tế được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và cấp phép hoạt động. Trong đó, các trường đại học Việt Nam tổ chức hợp tác và liên kết với hơn 200 cơ sở giáo dục đại học tại 30 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Tổng số sinh viên Việt Nam đang theo học các chương trình này là gần 90.000 sinh viên, số sinh viên ngoại quốc học tập tại Việt Nam khoảng 27.000 sinh viên. Hình thức tổ chức chương trình liên kết đào tạo quốc tế khá đa dạng: Đào tạo toàn phần tại Việt Nam; đào tạo một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài; đào tạo theo chương trình giáo dục quốc tế hoặc theo chương trình do hai cơ sở giáo dục thống nhất xây dựng;...

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, trong những năm gần đây, các chương trình liên kết đào tạo quốc tế giữa cơ sở giáo dục Việt Nam với các trường đại học nước ngoài không ngừng gia tăng cả về số lượng và chất lượng. Nhiều trường đại học Việt Nam được vinh danh trong bảng xếp hạng những trường đại học có chất lượng giáo dục tốt của châu Á và trên thế giới. Ngày càng nhiều cơ sở giáo dục danh tiếng trên thế giới muốn hợp tác với Việt Nam trong chương trình liên kết đào tạo theo chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn phải đối mặt với một số thách thức, rào cản khi triển khai thực hiện các chương trình này. Trong đó, trình độ ngoại ngữ được đánh giá là rào cản lớn nhất cho sinh viên khi tham gia chương trình liên kết đào tạo quốc tế cũng như ảnh hưởng đến chất lượng khóa học. Đa số các chương trình liên kết đào tạo quốc tế thường mất một năm để đào tạo ngoại ngữ cho sinh viên. Bên cạnh đó, còn tồn tại thực trạng một số trường vì lợi nhuận mà sẵn sàng liên kết với các cơ sở giáo dục quốc tế kém chất lượng để thu hút học viên. Những chương trình như vậy có mức học phí cao ngất ngưỡng nhưng chất lượng đầu ra lại không đảm bảo.

Bảng dưới đây trình bày kết quả hồi quy thu được và các phép kiểm tra vấn đề đa cộng tuyến. Mô hình có biến phụ thuộc là kết quả thực tập của sinh viên và 5 biến độc lập là các nội dung quản lý. Thống kê F của mô hình là 98,724 với giá trị p (Sig.) = 0,000 cho thấy mô hình phù hợp với dữ liệu thu thập được và tồn tại các biến giải thích có ý nghĩa.

Giá trị R bình phương hiệu chỉnh đạt 0,748 cho thấy các biến độc lập đưa vào mô hình giải thích được 74,8% sự biến thiên của biến phụ thuộc. Kết quả phân tích đa cộng tuyến của mô hình cho giá trị VIF đều nhỏ hơn 4, đảm bảo không tồn tại hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình hồi quy. Từ đây tác giả đưa ra kết luận mô hình hồi quy đáng tin cậy.

Bảng 3. Kết quả phân tích hồi quy

Biến	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Dung sai	VIF
(Hằng số)	0,000	0,039		0,000	1,000		
X1	0,206***	0,052	0,206	3,976	0,000	0,571	1,750
X2	0,132*	0,055	0,132	2,384	0,018	0,497	2,013
X3	0,105*	0,040	0,105	2,616	0,010	0,957	1,044
X4	0,328**	0,051	0,328	6,387	0,000	0,580	1,725
X5	0,397**	0,052	0,397	7,700	0,000	0,575	1,740

R = 0,869; R Square = 0,755; Adjusted R Square = 0,748;
 Std. Error of the Estimate = 0,502; F = 98,724; Sig. = 0,000.

* có ý nghĩa thống kê với p < 0,05; ** p < 0,01; *** p < 0,001.

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy biến độc lập X1 (thực trạng xây dựng kế hoạch thực tập) có tác động thuận chiều đến kết quả thực tập của sinh viên thực tập trong các chương trình liên kết đào tạo quốc tế ở

ngưỡng tin cậy 95% (với $B = 0,206$; giá trị Sig. = 0,000). Kết quả này khẳng định giả thuyết 1 đúng. Đa số các trường đại học có tổ chức học phần thực tập đều xây dựng kế hoạch thực tập tương đối rõ ràng cho sinh viên. Các khía cạnh của nội dung xây dựng kế hoạch thực tập được nghiên cứu trong bài viết này bao gồm: kế hoạch đào tạo, quy định/tài liệu hướng dẫn; nội dung thực tập; lập và thông qua kế hoạch thực tập; phổ biến quy chế thực tập tốt nghiệp. Chủ thể quản lý thực hiện tốt các khía cạnh của nội dung quản lý này là cơ sở, nền tảng và định hướng cho sinh viên trong suốt quá trình thực tập. Thực tế, một số cơ sở giáo dục đào tạo kết nối với các doanh nghiệp thông qua chương trình giới thiệu thực tập sinh nhằm giúp sinh viên có được môi trường trải nghiệm thực tập tốt. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại bất cập như tổ chức phổ biến quy chế thực tập tốt nghiệp chưa hiệu quả do số lượng sinh viên lớn, một số nội dung thực tập chưa rõ ràng. Do vậy, chủ thể quản lý cần nỗ lực tìm ra biện pháp quản lý phù hợp và hiệu quả hơn để hoạt động thực tập của sinh viên đạt được kết quả tốt nhất.

Kết quả hồi quy cho thấy biến độc lập X2 (thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch thực tập) có tác động thuận chiều đến kết quả thực tập của sinh viên thực tập trọng các chương trình liên kết đào tạo quốc tế ở ngưỡng tin cậy 95% (với $B = 0,132$; giá trị Sig. = 0,018). Kết quả này khẳng định giả thuyết 2 đúng. Để triển khai kế hoạch thực tập, hầu hết các trường đều thành lập phòng ban quản lý thực tập với đội ngũ nhân sự có chuyên môn, năng lực. Đồng thời, nhà trường tổ chức sắp xếp các nguồn lực hỗ trợ công tác quản lý thực tập cho sinh viên. Không chỉ tổ chức phối hợp các bộ phận trong trường, cơ sở giáo dục còn phối hợp và trao đổi thông tin với đơn vị tiếp nhận sinh viên thực tập. Đa số các khía cạnh của nội dung tổ chức thực hiện kế hoạch thực tập đã được các chủ thể quản lý quan tâm và triển khai thực hiện. Kết quả là sinh viên nắm được nội dung mình cần làm, sinh viên được hỗ trợ để thực hiện hiệu quả hoạt động thực tập. Bên cạnh đó, mặc dù việc tổ chức phân cấp quản lý sinh viên triển khai rõ ràng nhưng một số phòng chức năng, khoa/bộ môn quản lý hay một số giảng viên hướng dẫn chưa thực hiện tốt vai trò của mình. Họ là người trực tiếp quản lý, có vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn, theo dõi và tác động lớn đến thái độ nghề nghiệp của sinh viên trong suốt thời gian thực tập. Tuy nhiên, còn tồn tại thực trạng các phòng ban chức năng, khoa/bộ môn quản lý chuyên ngành hay giảng viên hướng dẫn quan tâm nhiều đến hoạt động giảng dạy trên lớp hơn là hoạt động quản lý, hướng dẫn thực tập tốt nghiệp cho sinh viên.

Kết quả hồi quy cho thấy biến độc lập X3 (thực trạng lãnh đạo, chỉ đạo thực tập) có tác động thuận chiều đến kết quả thực tập của sinh viên thực tập trọng các chương trình liên kết đào tạo quốc tế ở ngưỡng tin cậy 95% (với $B = 0,105$; giá trị Sig. = 0,010). Kết quả này khẳng định giả thuyết 3 đúng. Tùy vào đặc điểm trường, đặc điểm ngành đào tạo, mỗi cơ sở giáo dục đều ban hành và thực hiện các quyết định, quy định, văn bản tổ chức thực hiện kế hoạch thực tập. Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động thực tập tốt nghiệp đối với sinh viên, các cơ sở giáo dục đào tạo luôn ưu tiên quan tâm đến hoạt động này. Chính vì vậy, các công tác chuẩn bị cơ bản luôn được lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Hạn chế của thực trạng này là các lực lượng tham gia vào quá trình thực hiện quản lý thực tập cho sinh viên không nắm bắt được đầy đủ các quyết định, quy định về nội dung, hình thức, phương pháp hoạt động thực tập, gây ảnh hưởng đến kết quả thực tập của sinh viên. Bên cạnh đó, trong quá trình sinh viên thực tập, việc lãnh đạo, chỉ đạo của cơ sở giáo dục chưa thực sự sát sao, kịp thời. Do thực tập tốt nghiệp là hoạt động hằng năm nên việc xây dựng quy trình tổ chức thực hiện và ban hành các quyết định, quy định hướng dẫn thực tập thường thực hiện theo kinh nghiệm, thói quen mang tính chủ quan, ít có sự thay đổi. Trong khi đó, thực tế quá trình thực tập của sinh viên tương đối phức tạp và gắn với các doanh nghiệp chịu tác động bởi sự biến đổi kinh tế- xã hội. Do vậy, nếu không xây dựng một quy trình khoa học, hợp lý, thiết thực thì hiệu quả thực tập của sinh viên sẽ giảm đi đáng kể.

Kết quả hồi quy cho thấy biến độc lập X4 (thực trạng điều kiện và hỗ trợ sinh viên thực tập) có tác động thuận chiều đến kết quả thực tập của sinh viên thực tập trọng các chương trình liên kết đào tạo quốc tế ở ngưỡng tin cậy 95% (với $B = 0,328$; giá trị Sig. = 0,000). Kết quả này khẳng định giả thuyết 4 đúng. Sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế thường nhận được nhiều sự quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ từ phía nhà trường hơn so với sinh viên chương trình thông thường. Điều kiện hỗ trợ sinh viên thực tập ở đây có thể kể đến: cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp các nội dung, tài liệu, văn bản hành chính có liên quan; bộ phận

quản lý thực tập và giảng viên hướng dẫn hỗ trợ sinh viên kịp thời; phối hợp giữa nhà trường với đơn vị thực tập, giữa giảng viên hướng dẫn và người phụ trách thực tập tại đơn vị thực tập. Nhiều cơ sở giáo dục, giảng viên giới thiệu sinh viên đến với những doanh nghiệp uy tín để trải nghiệm, tích lũy kinh nghiệm thực tế. Nhiều giảng viên nhiệt tình, tận tâm hỗ trợ giải đáp khi sinh viên gặp vấn đề khó khăn. Mặt khác, do số lượng sinh viên lớn, giảng viên không thể theo dõi sát sao, hỗ trợ kịp thời cho toàn bộ sinh viên thực tập. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa nhà trường với đơn vị thực tập chưa thực sự chặt chẽ, thống nhất, ảnh hưởng đến hiệu quả thực tập của sinh viên. Đặc biệt, với sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế còn bỏ ngỡ với môi trường làm việc tại Việt Nam sẽ gặp khó khăn hơn nếu không được nhà trường quan tâm hỗ trợ.

Kết quả hồi quy cho thấy biến độc lập X5 (thực trạng kiểm tra, đánh giá thực tập) có tác động thuận chiều đến kết quả thực tập của sinh viên thực tập trọng các chương trình liên kết đào tạo quốc tế ở ngưỡng tin cậy 95% (với $B = 0,397$; giá trị Sig. = 0,000). Kết quả này khẳng định giả thuyết 5 đúng. Nhìn chung, việc kiểm tra, đánh giá thực tập ở các cơ sở giáo dục được tổ chức thực hiện tương đối nghiêm ngặt theo quy định của từng trường. Cuối mỗi kỳ thực tập, kết quả thực tập của sinh viên thường được xem xét, đánh giá theo chuẩn đầu ra. Nhà trường lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên trong suốt quá trình thực tập của sinh viên cũng như kiểm tra việc xây dựng cơ cấu tổ chức và tổ chức thực hiện quy trình quản lý thực tập. Trong thời gian kiểm tra, chủ thể quản lý phát hiện các sai lệch, hạn chế trong quản lý thực tập và điều chỉnh chúng. Tuy nhiên, tại một số trường đại học, công tác kiểm tra, đánh giá còn chưa chặt chẽ, định tính, chưa phản ánh đúng năng lực của sinh viên. Các tiêu chí đánh giá được cơ sở giáo dục đào tạo đưa ra chưa cụ thể, rõ ràng, không gắn liền với nội dung thực tập tốt nghiệp, gây khó khăn cho người đánh giá. Ngoài ra, công tác kiểm tra đánh giá còn mang tính một chiều, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục và đơn vị thực tập, chưa theo sát tiến trình thực tập của sinh viên. Đồng thời, công tác tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động quản lý thực tập còn thực hiện mang tính hình thức.

5. Giải pháp

Hiện nay, hoạt động quản lý thực tập tốt nghiệp với sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế tại Việt Nam chưa thực sự hiệu quả. Căn cứ vào thực trạng và kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thực tập đối với sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế tại Việt Nam như sau:

Thứ nhất, về phía các trường đại học, cần tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cán bộ quản lý, giảng viên về tầm quan trọng của quản lý thực tập tốt nghiệp cho sinh viên thuộc chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Giải pháp này nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý thực tập và giảng viên, đồng thời giúp thống nhất mục tiêu, nội dung, phương pháp quản lý thực tập để hỗ trợ tốt nhất cho sinh viên. Trong đó, ban lãnh đạo nhà trường cần xác định quản lý hoạt động thực tập là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Từ đó, ban lãnh đạo chỉ đạo, phân chia nhiệm vụ đến từng bộ phận, từng cá nhân cụ thể nhưng vẫn đảm bảo tính linh hoạt, sáng tạo trong công tác tổ chức thực hiện. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên phải xác định rõ trách nhiệm, ý thức được sự cần thiết phải thực hiện quản lý thực tập cũng như mục tiêu, nội dung, phương thức quản lý để cùng phối hợp thực hiện.

Các cơ sở giáo dục đào tạo cần thường xuyên đổi mới kế hoạch thực tập tốt nghiệp cho sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Hiện nay, quy trình quản lý thực tập cho sinh viên chưa được đánh giá cao về chất lượng và hiệu quả. Do vậy, các trường đại học cần đổi mới kế hoạch thực tập đảm bảo tính khoa học, chặt chẽ, cụ thể hơn và gắn với thực tế. Kế hoạch xây dựng cũng cần quan tâm đến phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục và đơn vị thực tập giúp nâng cao hiệu quả thực tập cho sinh viên liên kết đào tạo quốc tế. Để thực hiện giải pháp, các cơ sở đào tạo cần xây dựng hoàn thiện hệ thống quy định làm cơ sở cho hoạt động tổ chức và quản lý thực tập tốt nghiệp cho sinh viên liên kết đào tạo quốc tế.

Các cơ sở giáo dục đào tạo cũng cần đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá thực tập đối với sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Các chủ thể quản lý cần đảm bảo quá trình kiểm tra, đánh giá thực tập được thực hiện công bằng, minh bạch, khách quan, đáng tin cậy theo khung năng lực và chuẩn đầu ra. Nhà trường xây dựng và đổi mới tiêu chí chuẩn đầu ra sao cho phù hợp với từng chuyên ngành đào tạo, phù hợp

với yêu cầu kiến thức, kỹ năng mà các doanh nghiệp mong đợi ở sinh viên.

Thứ hai, về phía các sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế, sinh viên cần nhận thức được nhiệm vụ, trách nhiệm và lợi ích khi tham gia hoạt động thực tập để chủ động phối hợp với nhà trường, cán bộ quản lý, giảng viên hướng dẫn. Do số lượng sinh viên lớn, nhà trường không thể sát sao với từng sinh viên, vì vậy, sinh viên cần chủ động tìm hiểu các thông tin liên quan đến thực tập thông qua tham gia các buổi hướng dẫn quy định thực tập của nhà trường, các buổi tọa đàm kết nối sinh viên với doanh nghiệp và các kênh thông tin khác. Đồng thời, sinh viên cần chủ động liên hệ với giảng viên hướng dẫn để được giải đáp những thắc mắc, khó khăn gặp phải. Bên cạnh nhận quản lý từ phía nhà trường, sinh viên phải tự lập kế hoạch quản lý quá trình thực tập cho bản thân với mục tiêu, nội dung, cách thức thực hiện cụ thể, khoa học và phù hợp với điều kiện bản thân. Trong thời gian học tập, sinh viên có thể tìm kiếm thông tin tuyển dụng thực tập sinh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài để phát huy những lợi thế của sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Ngoài trau dồi kiến thức, sinh viên cần tăng cường bổ sung các kỹ năng mềm cho bản thân để hoạt động thực tập đạt hiệu quả cao nhất.

Thứ ba, về phía Chính phủ và các Bộ ngành, cần chỉ đạo đồng bộ, toàn diện các cơ quan, đơn vị giáo dục đào tạo phối hợp thực hiện quản lý thực tập cho sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế thông qua ban hành các chính sách, nghị định, thông tư pháp luật. Hệ thống văn bản pháp luật phải được xây dựng trên cơ sở thực tiễn, đảm bảo tính thống nhất, tinh gọn và hài hòa với các Điều ước quốc tế. Chính phủ có thể hỗ trợ các trường đại học thông qua cung cấp các thông tin về điều kiện tổ chức chương trình liên kết đào tạo quốc tế, quy định và chính sách hỗ trợ chương trình này. Đồng thời, Chính phủ và các Bộ ngành cần có cơ chế và chính sách, động viên sinh viên thực tập, tạo điều kiện rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên thông qua thực tập tốt nghiệp. Chính phủ cần xem xét nghiêm ngặt các chương trình liên kết đào tạo quốc tế trước khi cấp phép hoạt động để tránh tình trạng cơ sở dùng danh “đào tạo quốc tế” để trục lợi cá nhân. Trong quá trình hoạt động, Chính phủ và các Bộ ngành cần thường xuyên kiểm tra chất lượng đào tạo cũng như xử phạt các trường hợp vi phạm tiêu chuẩn giáo dục.

6. Kết luận

Trên cơ sở phân tích đánh giá về tác động của quản lý thực tập đến kết quả thực tập của sinh viên thuộc chương trình liên kết đào tạo quốc tế, kết quả nghiên cứu cho thấy các nội dung sau đây có tác động thuận chiều: (i) xây dựng kế hoạch thực tập; (ii) tổ chức thực hiện kế hoạch thực tập; (iii) lãnh đạo, chỉ đạo thực tập; (iv) điều kiện và hỗ trợ sinh viên trong quá thực tập; (v) kiểm tra, đánh giá thực tập. Việc thực hiện hiệu quả các nội dung quản lý này sẽ có tác động tích cực đáng kể đến kết quả thực tập của sinh viên nói chung, sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế nói riêng. Tuy nhiên, thực tế chất lượng tổ chức thực hiện các nội dung quản lý này chưa được đánh giá cao, công tác quản lý còn tồn tại nhiều bất cập.

Để có thể nâng cao hiệu quả quản lý thực tập cho sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế tại Việt Nam, đòi hỏi có sự đồng lòng phối hợp thực hiện từ cơ quan Trung ương đến cá nhân thuộc cơ sở giáo dục đào tạo. Cụ thể, Chính phủ và các cơ quan chính quyền có liên quan cần có các chính sách quy định cũng như hỗ trợ và khuyến khích các chương trình liên kết đào tạo quốc tế, theo dõi sát sao để đảm bảo chất lượng giáo dục. Các cơ sở giáo dục cần thường xuyên đổi mới các kế hoạch quản lý gắn liền với thực tiễn thực tập của sinh viên, tạo điều kiện và hỗ trợ tối đa để sinh viên liên kết đào tạo quốc tế hoàn thành học phần thực tập tốt nhất. Về phía sinh viên, sinh viên cần chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ từ nhà trường, từ giảng viên hướng dẫn và tự làm chủ kế hoạch thực tập của bản thân.

Hiện nay, các chương trình liên kết đào tạo quốc tế ngày càng trở nên phổ biến tại Việt Nam. Liên kết đào tạo quốc tế tạo điều kiện cho Việt Nam tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Sinh viên Việt Nam có thể học tập và nghiên cứu theo tiêu chuẩn quốc tế ngay tại đất nước mình mà không mất chi phí cho du học. liên kết đào tạo quốc tế cũng là cơ hội cho Việt Nam hợp tác với bạn bè quốc tế, phát triển kinh tế quốc gia thông qua hoạt động cung cấp dịch vụ giáo dục, đồng thời nâng cao uy tín trên trường quốc tế. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, bên cạnh cơ hội thì Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều thách thức lớn đòi hỏi các nhà lãnh đạo phải có các biện pháp quản lý hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo Dục và Đào Tạo (2010). Công văn 2196/BGDĐT-GDDH về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.
- [2] Gault J., Leach E., Duey M. (2010). Effects of business internships on job marketability: The employers' perspective. *Education & Training*, 52(1), 76-88.
- [3] Marinas Cristian Virgil, Goia Simona Irina, Igret Ramona Stefania, Marinas Laura Elena (2018). Predictors of Quality Internship Programs - The Case of Romanian Business and Administration University Education. *Sustainability* 2018, 10, 4741.
- [4] Nguyễn Hoàng (2011). Nâng cao hiệu quả liên kết đào tạo quốc tế tại các trường đại học Việt Nam. *Tạp chí Tổng quan Kinh tế - Xã hội Việt Nam*, số 04 - tr.130-135.
- [5] Nguyễn Hoàng, Trần Kiều Trang (2013). Giải pháp nâng cao chất lượng các chương trình liên kết đào tạo quốc tế tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Thương mại*, số.53+54, tr.112-119.
- [6] Nguyễn Quốc Chính, Nguyễn Thị Lê Na, Nguyễn Thị Thanh Nhật, Nguyễn Tiến Công. (2018). Chuẩn đầu ra và một số đề xuất trong xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo," *Kỷ yếu Hội thảo đảm bảo chất lượng năm 2018 - ĐH Quốc gia TP.HCM*. TP.HCM
- [7] O'Higgins Niall, Pinedo Luis (2018). Interns and outcomes: Just how effective are internships as a bridge to stable employment?, *Employment: Working Paper*, No. 241, International Labour Office - Employment Policy Department.
- [8] Phạm Quốc Luyến (2021). Quản lý hoạt động thực tập tốt nghiệp của sinh viên ngành quản trị kinh doanh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo tiếp cận chuẩn đầu ra. *Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục*.
- [9] Phạm Văn Thuận (2019). Quản lý hoạt động thực tập của học viên ở các trường sĩ quan quân đội theo định hướng phát triển năng lực. *Luận án Tiến sĩ*.
- [10] Saniter N., Siedler T. (2014). Door opener or waste of time? The effects of student internships on labor market outcomes. *Discussion Paper Series IZA DP No. 8141*.
- [11] Weible R. (2010). Are universities reaping the available benefits internship programs offer?. *Journal of Education for Business*, 85(2), 59-63.

ABSTRACT

Improve the efficiency of graduate internship management of students in international joint -training programs

The article investigates the impact of internship management contents on internship results of students of international joint -training programs in Vietnam. The survey was conducted on the subjects of experts, managers and lecturers guiding students to practice in the school year 2020-2021 nationwide. The analysis results identify the management contents that have a positive impact on the internship results of the students of the international training program, including: (i) developing an internship plan; (ii) organizing the implementation of the internship plan; (iii) leadership and direction of the internship; (iv) conditions and student support during the internship; (v) examination and assessment of internships. On the basis of the obtained results, the author proposes a number of solutions for state agencies, educational institutions and students to improve the efficiency of graduate internship management of students of international training programs.

Keywords: *International joint-training, internship management, internship results, students, higher education, Vietnam.*